

Số: 2548 /QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” năm 2020
cho các tập thể thuộc khối cơ quan Thi hành án dân sự địa phương**

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BTP ngày 07/06/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” năm 2020 cho 328 tập thể thuộc các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương (có tên trong danh sách kèm theo).

Tiền thưởng cho các tập thể thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp, Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng, Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính Bộ Tư pháp và Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Công TTĐT Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Lưu: VT, TĐKT.



BỘ TRƯỞNG

Lê Thành Long



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
CÁC TẬP THỂ ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU
“TẬP THỂ LAO ĐỘNG XUẤT SẮC” NĂM 2020
KHOẢNG CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số: 2548/QĐ-BTP ngày 22 tháng 12 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC

I. TỈNH YÊN BÁI (06)

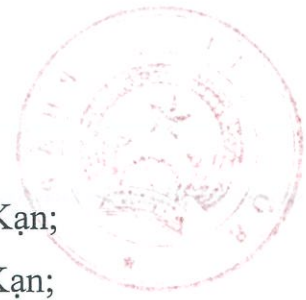
1. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái;
2. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái;
3. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái;
4. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái;
5. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái;
6. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

II. TỈNH SƠN LA (05)

7. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
8. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La;
9. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La;
10. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La;
11. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

III. TỈNH LÀO CAI (05)

12. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai;
13. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai;
14. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai;
15. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai;
16. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. m✓

**IV. TỈNH BẮC KẠN (03)**

17. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn;
18. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn;
19. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn.

V. TỈNH ĐIỆN BIÊN (02)

20. Phòng Kiểm tra và Giải quyết khiếu nại, tố cáo Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
21. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

VI. TỈNH LAI CHÂU (05)

22. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu;
23. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu;
24. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu;
25. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu;
26. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

VII. TỈNH HÀ GIANG (06)

27. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang;
28. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang;
29. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang;
30. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang;
31. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang;
32. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

VIII. TỈNH TUYÊN QUANG (05)

33. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
34. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;
35. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang;
36. Phòng tổ chức cán bộ Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
37. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

IX. TỈNH CAO BẰNG (06)

38. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng;
39. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng; *ne*

- 40. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;
- 41. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng;
- 42. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng;
- 43. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

X. TỈNH LẠNG SƠN (03)

- 44. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- 45. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- 46. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

XI. TỈNH THÁI NGUYÊN (05)

- 47. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên;
- 48. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên;
- 49. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;
- 50. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên;
- 51. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

XII. TỈNH PHÚ THỌ (04)

- 52. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- 53. Phòng Nghiệp vụ và Tổ chức thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- 54. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ;
- 55. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Sơn, Tỉnh Phú Thọ.

XIII. TỈNH HÒA BÌNH (05)

- 56. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình;
- 57. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình;
- 58. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình;
- 59. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình;
- 60. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

KHU VỰC ĐỒNG BẮC BẮC BỘ

I. TỈNH BẮC GIANG (06)

- 61. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang;
- 62. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang; //

- 63. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang;
- 64. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang;
- 65. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang;
- 66. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

II. TỈNH BẮC NINH (05)

- 67. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- 68. Phòng Kiểm tra và giải quyết khiếu nại tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- 69. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- 70. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh;
- 71. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

III. TỈNH HÀ NAM (04)

- 72. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam;
- 73. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam;
- 74. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam;
- 75. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

IV. THÀNH PHỐ HÀ NỘI (10)

- 76. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- 77. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- 78. Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;
- 79. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội;
- 80. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội;
- 81. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;
- 82. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội;
- 83. Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội;
- 84. Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;
- 85. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

V. TỈNH HẢI DƯƠNG (05)

- 86. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương; *m*

- 87. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- 88. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương;
- 89. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- 90. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

VI. THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG (07)

- 91. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- 92. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- 93. Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- 94. Chi cục Thi hành án dân sự quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng;
- 95. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;
- 96. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng;
- 97. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

VII. TỈNH HƯNG YÊN (04)

- 98. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- 99. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên;
- 100. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên;
- 101. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

VIII. TỈNH NAM ĐỊNH (06)

- 102. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định;
- 103. Phòng Kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định;
- 104. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định;
- 105. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định;
- 106. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định;
- 107. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

IX. TỈNH NINH BÌNH (03)

- 108. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- 109. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- 110. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. *na*

X. TỈNH QUẢNG NINH (05)

- 111. Phòng Kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- 112. Phòng Nghiệp vụ và Tổ chức thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- 113. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;
- 114. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh;
- 115. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh.

XI. TỈNH THÁI BÌNH (05)

- 116. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- 117. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- 118. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình;
- 119. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình;
- 120. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

XII. TỈNH VĨNH PHÚC (04)

- 121. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- 122. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- 123. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc;
- 124. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

KHU VỰC BẮC TRUNG BỘ**I. TỈNH THỪA THIÊN HUẾ (06)**

- 125. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế;
- 126. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- 127. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- 128. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- 129. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- 130. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

II. TỈNH QUẢNG TRỊ (05)

- 131. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- 132. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị;
- 133. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị ; *rw*

134. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị;

135. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

III. THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG (02)

136. Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng;

137. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

IV. TỈNH QUẢNG NAM (10)

138. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;

139. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam;

140. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam;

141. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam;

142. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam;

143. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam;

144. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam;

145. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam;

146. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam;

147. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

V. TỈNH NGHỆ AN (10)

148. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;

149. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;

150. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;

151. Phòng Nghiệp vụ và Tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;

152. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

153. Chi cục Thi hành án dân sự thị huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An;

154. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An;

155. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An;

156. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An;

157. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

VI. TỈNH HÀ TĨNH (07)

158. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh; ~~W~~

- 159. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh;
- 160. Phòng Kiểm tra giải quyết khiếu nại tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh;
- 161. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh;
- 162. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;
- 163. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh;
- 164. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

VII. QUẢNG BÌNH (05)

- 165. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình;
- 166. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình;
- 167. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình;
- 168. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình;
- 169. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

VII. TỈNH THANH HÓA (12)

- 170. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- 171. Phòng Kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- 172. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- 173. Phòng Nghiệp vụ và Tổ chức thi hành án Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- 174. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
- 175. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- 176. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa;
- 177. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa;
- 178. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
- 179. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa;
- 180. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
- 181. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

KHU VỰC NAM TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN

I. TỈNH ĐẮK LẮK (03)

- 182. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk;
- 183. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk; ✓

184. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

II. TỈNH BÌNH ĐỊNH (06)

185. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;

186. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;

187. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;

188. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định;

189. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định;

190. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

III. TỈNH KHÁNH HÒA (06)

191. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;

192. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;

193. Phòng Tài chính kế toán, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;

194. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa;

195. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa;

196. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

IV. TỈNH KON TUM (06)

197. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum;

198. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức Thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum;

199. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum;

200. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum;

201. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum;

202. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum.

V. TỈNH PHÚ YÊN (04)

203. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên;

204. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên ;

205. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên;

206. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

VI. TỈNH QUẢNG NGÃI (06)

207. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi;

208. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi; ✓

- 209. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi;
- 210. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi;
- 211. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- 212. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

VII. TỈNH GIA LAI (07)

- 213. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- 214. Phòng tài chính, kế toán, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- 215. Phòng Nghiệp vụ và Tổ chức thi hành án, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- 216. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai;
- 217. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai;
- 218. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai;
- 219. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

KHU VỰC MIỀN ĐÔNG NAM BỘ

I. TỈNH TÂY NINH (03)

- 220. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- 221. Phòng Tài chính - Kế toán, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- 222. Phòng Kiểm tra và Giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

II. TỈNH VŨNG TÀU (05)

- 223. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- 224. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- 225. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- 226. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- 227. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

III. TỈNH BÌNH THUẬN (04)

- 228. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận;
- 229. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận ;
- 230. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận;
- 231. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. //

IV. TỈNH LÂM ĐỒNG (02)

- 232. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng;
- 233. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng.

V. TỈNH NINH THUẬN (04)

- 234. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận;
- 235. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận;
- 236. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận;
- 237. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

VI. TỈNH BÌNH DƯƠNG (05)

- 238. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- 239. Văn Phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- 240. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- 241. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- 242. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

VII. THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (10)

- 243. Phòng Kế hoạch – Tài chính, Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- 244. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- 245. Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;
- 246. Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;
- 247. Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh;
- 248. Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- 249. Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh;
- 250. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;
- 251. Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- 252. Chi cục Thi hành án dân sự Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

VIII. TỈNH BÌNH PHƯỚC (04)

- 253. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước;
- 254. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;
- 255. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước;
- 256. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. *na*

IX. TỈNH ĐỒNG NAI (05)

- 257. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai ;
- 258. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai;
- 259. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ;
- 260. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai;
- 261. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

KHU VỰC MIỀN TÂY NAM BỘ

I. TỈNH TRÀ VINH (05)

- 262. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh;
- 263. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh;
- 264. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh;
- 265. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh;
- 266. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

II. TỈNH TIỀN GIANG (05)

- 267. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang;
- 268. Phòng Kiểm tra giải quyết khiếu nại tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang;
- 269. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- 270. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang;
- 271. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

III. TỈNH ĐỒNG THÁP (07)

- 272. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- 273. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- 274. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp;
- 275. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp;
- 276. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- 277. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp;
- 278. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp;✓

IV. TỈNH SÓC TRĂNG (06)

- 279. Phòng Nghiệp vụ và tổ chức Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng;
- 280. Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng;
- 281. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
- 282. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng;
- 283. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng;
- 284. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

V. TỈNH LONG AN (08)

- 285. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An;
- 286. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An;
- 287. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An;
- 288. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;
- 289. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;
- 290. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An;
- 291. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An;
- 292. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

VI. TỈNH AN GIANG (05)

- 293. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- 294. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- 295. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;
- 296. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- 297. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

VII. TỈNH BẾN TRE (05)

- 298. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- 299. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;
- 300. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- 301. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre;
- 302. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

VIII. TỈNH VĨNH LONG (05)

- 303. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;

- 304. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- 305. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- 306. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long;
- 307. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

IX. TỈNH CÀ MAU (04)

- 308. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- 309. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- 310. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau;
- 311. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

X. THÀNH PHỐ CẦN THƠ (05)

- 312. Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- 313. Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;
- 314. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ;
- 315. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ;
- 316. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

XI. TỈNH BẠC LIÊU (02)

- 317. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu;
- 318. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

XII. TỈNH KIÊN GIANG (08)

- 319. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang;
- 320. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang;
- 321. Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang;
- 322. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang;
- 323. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang;
- 324. Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang;
- 325. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang;
- 326. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

XIII. TỈNH HẬU GIANG (02)

- 327. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang;
- 328. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Tổng số: 328 tập thể./.